

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2021/HC-PT

Ngày: 26-11-2021

V/v: khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai, bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 14/2021/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2021; về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1735/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2230/2021/QĐPT-HC ngày 13 tháng 10 năm 2021; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê XT, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: 12B ấp 7, xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị Th. T, sinh năm 1995; Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, LN, ĐT, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên lạc: P502 - Số 43 Lê Thị HG, phường NTB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 005169 quyền 6 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2020 của Văn phòng Công chứng Sài Gòn, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Đăng Khoa, là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Bất động sản Hùng Vượng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: P502 - Số 43 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện HM; Địa chỉ trụ sở: Số 1 Lý Nam Đế, thị trấn HM, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện HM: Ông Dương HT; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM và Ủy ban nhân dân huyện HM: Ông Nguyễn VT, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM (Giấy ủy quyền số 3491/UBND cùng ngày 13/8/2020, vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM và Ủy ban nhân dân huyện HM:

- Ông Lê UT, Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt).

- Ông Phan HS, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý TT, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: 12B ấp 7, xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị Th. T (có căn cước nêu trên, theo Giấy ủy quyền số công chứng 005169 quyền 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2020 của Văn phòng Công chứng Sài Gòn, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị Th.T, là người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê XT là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ 12B ấp 7 xã ĐT, huyện HM, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00559 ngày 30/12/2005 (gọi Giấy chứng nhận H00559/2005) của Ủy ban nhân dân huyện HM (gọi Ủy ban HM) và Sơ đồ nhà đất số Hợp đồng 05A/2174/MP/2005 ngày 25/7/2005 của Công ty TNHH MIPHA, thuộc thửa 72, tờ bản đồ kỹ thuật số 17 (Tài liệu 2004). Người được cấp là ông Lê SV và ông Lê XT được cập nhật biến động ngày 15/8/2008. Diện tích nhà - đất thể hiện như sau: Phần diện tích nhà, đất phù hợp quy hoạch: diện tích đất 239,5m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị (ODT); diện tích xây dựng 23,85m²; diện tích sàn xây dựng 23,85m²; Phần diện tích nhà, đất không phù hợp quy hoạch: diện tích đất 105,60m²; diện tích xây dựng 84,25m²; diện tích sàn xây dựng 84,25m².

Ngày 30/9/1995, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban Thành phố) ban hành Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/10/2018, Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định số 4831/QĐ-UBND về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm của Dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (Đặng Thúc Vịnh), huyện HM (gọi là Dự án đường Đặng Thúc Vịnh).

Ngày 18/12/2018, Ủy ban HM ban hành Quyết định số 6177/QĐ-UBND về việc thu hồi 94,4m² đất của ông Lê XT thuộc một phần thửa đất số 72 tờ bản đồ số 17 (Theo tài liệu đo năm 2004) xã ĐT, huyện HM. Diện tích, vị trí và ranh giới khu đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 144/2016 (1)-124 (ĐT)/ĐĐXDHM ngày 10/8/2017 do Công ty Cổ phần đo đạc xây dựng HM lập để thực hiện Dự án đường Đặng Thúc Vịnh.

Ngày 17/12/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh Lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) (gọi Hội đồng Bồi thường) ban hành Phương án số 4847-957 (gọi Phương án 4847-957) về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Lê XT thực hiện Dự án đường Đặng Thúc Vịnh. Cụ thể ông XT được tính bồi thường, hỗ trợ số tiền như sau:

1. Phần đất có diện tích 49,7m² được xác định loại đất TV:
 - Vị trí 1 đường Đặng Thúc Vịnh;
 - Đơn giá đất nông nghiệp để tính bồi thường, hỗ trợ: 2.248.000 đồng x 49,7m² = 111.725.600 đồng;
 - Tài sản trên đất: 14.921.250 đồng + 13.796.750 đồng = 28.718.000 đồng;
 - Khác: 3.750.000 đồng;Tổng cộng: 144.193.600 đồng.
2. Phần đất có diện tích 44,7m², theo Tài liệu 2004 được xác định là đường nên không được bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 18/12/2018, Ủy ban HM ban hành Quyết định số 5521-957/QĐ-UBND (gọi Quyết định bồi thường 5521-957/QĐ-UBND), để phê duyệt Phương án số 4847-957.

Không đồng ý Quyết định phê duyệt 5521-957/QĐ-UBND, ông XT khiếu nại Ủy ban HM theo Đơn ngày 24/5/2019. Ngày 29/7/2019 Chủ tịch Ủy ban HM ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3181/QĐ-UBND (gọi Quyết định 3181/QĐ-UBND), theo quyết định Chủ tịch Ủy ban Bình Thạnh giữ nguyên Quyết định phê duyệt 5521-957/QĐ-UBND và không công nhận nội dung khiếu nại của ông XT.

Không đồng ý với Quyết định 3181/QĐ-UBND ông XT thực hiện việc khiếu nại đến Ủy ban Thành phố theo Đơn khiếu nại ngày 19/8/2019. Ngày 21/11/2019 Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 4966/QĐ-UBND (gọi Quyết định 4966/QĐ-UBND), theo quyết định Chủ tịch Ủy ban Thành phố công nhận và giữ nguyên Quyết định 3181/QĐ-UBND.

Không đồng ý các quyết định nêu trên, ông XT thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tại Đơn khởi kiện ngày 04/12/2019; Các Bản tự khai và Biên bản không tiến hành đối thoại được và các tài liệu chứng cứ kèm theo, người khởi kiện ông Lê XT có bà Ngô Thị Th. T đại diện trình bày:

Ông Lê XT khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định bồi thường 5521-957/QĐ-UBND; hủy Quyết định 3181/QĐ-UBND và Quyết định 4966/QĐ-UBND. Nguồn gốc nhà, đất trên như sau:

Năm 1976, ông LH được Nhà nước cấp đất với diện tích 500m² loại đất thổ cư. Năm 1992, ông LH chuyển nhượng cho ông Nguyễn VQ theo Giấy chuyển quyền sử dụng đất ngày 05/12/1992 có xác nhận của Cán bộ địa chính xã ĐT. Năm 1999, ông VQ chuyển nhượng cho ông Lê XT theo Giấy chuyển quyền sử dụng đất ngày 21/9/1999. Ngày 14/9/1999 ông XT đăng ký kê khai với hiện trạng nhà, đất: Diện tích khuôn viên 250m² thuộc thửa 692 tờ bản đồ số 1; nhà cấp 4, diện tích xây dựng 48m², kết cấu: tường xây gạch, đà gỗ dầm, mái lợp tôn thiếc. Ngày 30/9/1999, ông XT có đơn xin xây cất nhà ở và được Ủy ban xã ĐT xác nhận ngày 14/10/1999. Quá trình sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Hộ ông XT có đất bị ảnh hưởng trong Dự án đường Đặng Thúc Vịnh là 94,4m², Ủy ban tính bồi thường cho hộ ông XT không thỏa đáng. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban thành phố thì phần diện tích 49,7m² phải được bồi thường, hỗ trợ 100% đơn giá đất ở theo Quyết định 51/2014/QĐ-UBND của Ủy ban thành phố và phần diện tích 44,7m² phải được hỗ trợ 30% theo đơn giá đất ở.

* Tại Văn bản số 1036/UBND-NCPC ngày 23/03/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 144/2016(1)-124(ĐT)/ĐĐXDHM ngày 10/8/2017 của Công ty cổ phần Đo đạc xây dựng HM, có xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường ngày 29/8/2017, phần diện tích đất ông XT bị ảnh hưởng trong Dự án đường Đặng Thúc Vịnh là 94,4m², thuộc một phần thửa số 72 tờ bản đồ số 17 tài liệu 2004, tương ứng với thửa số 113 tờ bản đồ số 5 tài liệu 02/CT-UB bộ địa chính xã ĐT.

Trong 94,4m²: có phần diện tích 49,7m² nằm trong phần đất 105,6m² thuộc quy hoạch lộ giới không được công nhận tại Giấy chứng nhận H00559/2005; phần diện tích 44,7m² thuộc phần đất đường giao thông, là phần lề đường theo Giấy chứng nhận H00559/2005.

Theo báo cáo xác minh nguồn gốc nhà đất ngày 23/7/2018 của Ủy ban xã ĐT và kết quả tiếp công dân ngày 24/9/2019 thì trên đất có nhà, vật kiến trúc được xây dựng tạo lập vào năm 1999, không tranh chấp, sử dụng đất ổn định.

Căn cứ Luật Đất đai 2013; các quy định kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban Thành phố, Chủ tịch Ủy ban

Thành phố ban hành Quyết định 4966/QĐ-UBND, quyết định này là đúng luật, đề nghị Tòa án giữ nguyên.

* Tại Văn bản số 537/UBND ngày 14/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM và Ủy ban huyện HM có ý kiến như sau: Ủy ban HM và Chủ tịch Ủy ban HM có ban hành Quyết định bồi thường 5521-957/QĐ-UBND và Quyết định 3181/QĐ-UBND. Đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý TT có bà Ngô Thị Th. T đại diện có lời trình bày giống người khởi kiện.

Tại phiên tòa:

- Với tư cách là đại diện cho người khởi kiện; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th. T; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có lời trình bày như sau:

Theo các giấy tay ông XT nhận chuyển nhượng 250m² đất, nhưng thực tế nhận sử dụng hơn 300m², năm 1999, ông XT xây dựng hết đất sử dụng cho đến nay, không bị tranh chấp. Thửa đất được Nhà nước cấp từ năm 1976 là đất ở, chi tiết đối với từng diện tích đất theo quyết định thu hồi và bồi thường thì:

+ Diện tích 49,7m² đã được ghi nhận tại Giấy chứng nhận H00559/2005, tại mục 2.2 phần 2 Kết quả xác minh tại Biên bản đối thoại ngày 31/10/2019 của Thanh tra thành phố; theo quy định tại Điều 11 Luật Đất đai 2013 và điểm a, điểm đ Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND thì phần diện tích này được xác định là đất ở vẫn được hỗ trợ về đất bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Căn cứ Bảng 6 Bảng giá đất ở huyện HM của Quyết định 51/2014/QĐ-UBND, giá đất của con đường Đặng Thúc Vịnh đoạn từ Ngã tư Thới Tư đến cầu Trạch Tra (giáp huyện HM) có giá là 1.040.000 đồng/m² và hệ số điều chỉnh là từ 13,841 đến 15,934. Thành $1.040.000 \text{ đồng} \times 15,934 \times 49,7\text{m}^2 = 823.596.592 \text{ đồng}$.

+ Diện tích 44,7m² (đất lấn chiếm, thực tế đã xây dựng nhà ở từ năm 1999), theo báo cáo xác minh nguồn gốc nhà đất của Ủy ban xã ĐT ngày 06/11/2019 thì phần diện tích này đã được sử dụng ổn định trước năm 1993 và thực tế xây dựng nhà ở năm 1999, không tranh chấp, vì vậy được xác định loại đất ở. Căn cứ Điều 11 Luật Đất đai 2013; Khoản 2 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; điểm a Khoản 2 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND và Bảng 6 Bảng giá đất ở huyện HM của Quyết định 51/2014/QĐ-UBND thì phần diện tích 44,7m² được hỗ trợ 30% đơn giá đất ở. Thành $1.040.000 \text{ đồng} \times 15,934 \times 44,7\text{m}^2 \times 30\% = 222.221.937 \text{ đồng}$.

Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông XT.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban Thành phố; Ủy ban HM và ông Nguyễn VT, Phó Chủ tịch Ủy ban HM đại diện hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban HM vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Diện tích đất bị thu hồi trên của ông XT không thuộc trường hợp áp dụng điểm a, điểm đ khoản 1 và điểm a Khoản 2 Điều 11 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND. Vì vậy, Ủy ban HM và Chủ tịch Ủy ban HM vẫn giữ nguyên nội dung các quyết định hành chính bị kiện. Yêu cầu của ông XT không có cơ sở xem xét, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông XT.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1735/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ số Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê XT về việc yêu cầu hủy một phần các quyết định liên quan đến phần bồi thường, hỗ trợ về đất:

1.1 Quyết định số 5521-957/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện HM về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Lê XT thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đặng Thúc Vịnh), huyện HM;

1.2 Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê XT, huyện HM (lần 1);

1.3 Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê XT (lần 2).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, bà Ngô Thị Th T là người đại diện hợp pháp của ông Lê XT nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông XT.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, UBND huyện HM và Chủ tịch UBND huyện HM vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông XT trình bày:

Toàn bộ diện tích đất tọa lạc tại số 12B ấp 7, xã ĐT, huyện HM có nguồn gốc của ông LH được Nhà nước cấp năm 1976 ghi rõ là đất Thổ. Ông LH chuyển nhượng cho ông Nguyễn VQ vào năm 1992. Năm 1999, ông VQ chuyển nhượng cho ông Lê SV (là bố của ông XT) vào năm 1999 và ông Vọng được cấp Giấy chứng nhận số H00559 ngày 30/12/2005.

- Đối với 49,7m² mà UBND huyện HM xác định là đất nông nghiệp là không đúng. Vì ngay tại Mục IV của Giấy chứng nhận số H00559 ghi rõ là “đất ở thuộc quy hoạch lộ giới không được công nhận”. Do đó diện tích đất này phải được hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013.

- Đối với 44,7m² còn lại, ông XT thừa nhận và được chính quyền địa phương xác nhận là lấn chiếm và xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1999 (tức trước ngày 01/7/2014) và không có tranh chấp. Do đó, phần đất này phải được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông XT, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông XT.

Bà ThT thống nhất với ý kiến của Luật sư và không bổ sung gì thêm.

Các ông Phan Hiếu Sơn, Lê Ưu Tú là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND huyện HM và Chủ tịch UBND huyện HM trình bày:

Đúng là phần đất của ông XT có nguồn gốc của ông LH được cấp năm 1976, nhưng chữ Thổ là không có nghĩa là đất Thổ cư theo hướng dẫn tại Công văn số 1025/TCQLĐĐ-CKTK ngày 24/9/2013 của Tổng cục Quản lý đất đai thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với 49,7m² mặc dù ông XT sử dụng từ năm 1999 nhưng không được công nhận trong Giấy chứng nhận số H00559. Do đó diện tích đất này không phải là đất ở mà là đất thổ vườn và được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp, theo

quy định tại điểm a khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với 44,7m² còn lại là đất lề đường do ông XT lấn chiếm nên không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông XT và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Th. T là người đại diện hợp pháp của ông Lê XT làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo:

- Đối với 49,7m² không được công nhận trong Giấy chứng nhận số H00559. Do đó UBND huyện HM bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

- Đối với 44,7m² còn lại là đất lề đường do ông XT lấn chiếm nên không được bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông XT và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, UBND huyện HM cũng nên xem xét lại mức bồi thường, hỗ trợ cho ông XT để bảo đảm quyền lợi của người sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Th. T là người đại diện hợp pháp của ông Lê XT làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp; ông XT sinh năm 1959 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo này đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, nhận thấy:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Quyết định số 5521-957/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện HM, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Lê XT (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5521-957); Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện HM, về việc

giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê XT (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3181/QĐ-UBND) và Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại lần thứ hai của ông Lê XT (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4966/QĐ-UBND) là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại.

Ông XT nộp đơn khởi kiện các quyết định nêu trên vào ngày 18/12/2019. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật và còn trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2] Về thẩm quyền và trình tự ban hành quyết định: Các Quyết định số 5521-957, Quyết định số 3181/QĐ-UBND và Quyết định số 4966/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

[2.3] Về nội dung:

[2.3.1] Đối với Quyết định số 5521-957/QĐ-UBND:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, điều kiện để được cấp giấy chứng nhận, xác định loại đất:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Tỉnh lộ 9 (Đặng Thúc Vĩnh) số Hợp đồng 144/2016(1)-124(ĐT)ĐĐXDHM ngày 10/8/2017 thì phần đất của ông XT bị ảnh hưởng bởi dự án có diện tích 94,4m², thuộc thửa số 72, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu năm 2003) tại địa chỉ số 12B ấp 7, xã ĐT, huyện HM đã được UBND huyện HM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00559 ngày 30/12/2005 cho ông Lê SV (là bố ông XT).

Theo UBND huyện HM thì trong 94,4m² đất này có: 49,7m² không được công nhận trong Giấy chứng nhận số H00559 nên bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; 44,7m² còn lại là đất lề đường do ông XT lấn chiếm nên không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy:

Đối với 49,7m² là một phần trong tổng diện tích 105,6m² nằm trong quy hoạch lộ giới không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Vọng. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 quy định một trong các căn cứ để xác định loại đất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Mục IV của Giấy chứng nhận số H00559 ghi rõ diện tích đất này là “đất ở thuộc quy hoạch lộ giới không được công nhận”. Như vậy 49,7m² đất này phải

được xác định là đất ở đô thị. Việc UBND huyện HM xác định diện tích đất này là đất nông nghiệp và bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ, mà đúng ra phải được hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013.

Đối với 44,7m² còn lại, ông XT thừa nhận và được chính quyền địa phương xác nhận là lấn chiếm và xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1999 (tức trước ngày 01/7/2014) và không có tranh chấp. UBND huyện HM cho rằng phần đất này do ông XT lấn chiếm lề đường nên không bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ, mà đúng ra phần đất này phải được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, Quyết định số 5521-957/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông XT đối với hai phần đất nêu trên là chưa đúng với các điều luật vừa viện dẫn.

[2.3.2] Đối với Quyết định số 3181/QĐ-UBND và Quyết định số 4966/QĐ-UBND:

Như phần trên đã phân tích Quyết định số 5521-957/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông XT đối với 49,7m² và 44,7m² nêu trên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông XT. Do đó, khi ông XT khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện HM và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3181/QĐ-UBND và Quyết định số 4966/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông XT là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông XT là không có căn cứ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông XT. Do đó, kháng cáo của ông XT là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện HM, Chủ tịch UBND huyện HM và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông XT không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Th T là người đại diện hợp pháp của ông Lê XT.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1735/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ số Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê XT.

[1.1] Huỷ phần bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất 49,7m² và 44,7m² thuộc thửa số 72, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu năm 2003) tại địa chỉ số 12B ấp 7, xã ĐT, huyện HM trong Quyết định số 5521-957/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện HM, về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Lê XT thực hiện Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đặng Thúc Vịnh), huyện HM.

[1.2] Huỷ Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê XT, huyện HM (lần 1).

[1.3] Huỷ Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê XT (lần 2).

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện HM, Chủ tịch UBND huyện HM và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê XT không phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.